

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm tiêu cực trên toàn bộ các nhóm cổ phiếu với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

TPB, HAH, PVS, CTG

[Cập nhật công ty]

MWG, PDR

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading khi chỉ số về quanh ngưỡng hỗ trợ đã đề cập.

25/09/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,153.20	-3.34
VN30	1,159.94	-3.15
HĐTL VN30F1M	1,162.50	-2.52
HNXIndex	231.50	-4.79
HNX30	472.60	-7.55
UPCoM	88.70	-2.27
USD/VND	24,377	+0.18
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.61	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.18	+5
Dầu (WTI, \$)	90.66	+0.70
Vàng (LME, \$)	1,921.73	-0.18



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,153.20 (-3.34%)
KLGD (triệu CP) 916.5 (-25.7%)
GTGD (triệu US\$) 963.8 (-27.5%)

TTCK giảm điểm tiêu cực trên toàn bộ các nhóm cổ phiếu với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (-4.76%), BSR (+0.95%), SSI (-6.9%).

HNXIndex 231.50 (-4.79%)
KLGD (triệu CP) 130.4 (-26.5%)
GTGD (triệu US\$) 97.2 (-29.3%)

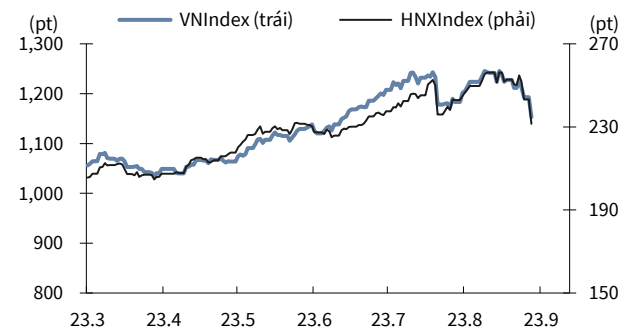
Giá thép hôm nay giao tháng 1/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải giảm 42 nhân dân tệ xuống mức 3,731 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h45 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở NKG(-6.95%), HSG(-6.96%).

UPCoM 88.70 (-2.27%)
KLGD (triệu CP) 70.1 (-35.1%)
GTGD (triệu US\$) 44.3 (-17.8%)

Giá phân bón trong nước dự kiến vẫn sẽ tăng theo đà biến động của thị trường phân bón thế giới, trong bối cảnh Trung Quốc hạn chế xuất khẩu phân bón, còn Nga cũng ngừng ưu đãi giá cho phân bón xuất khẩu sang Ấn Độ. Cổ phiếu ngành phân bón giảm giá ở DCM(-6.53%), DPM(-4.01%).

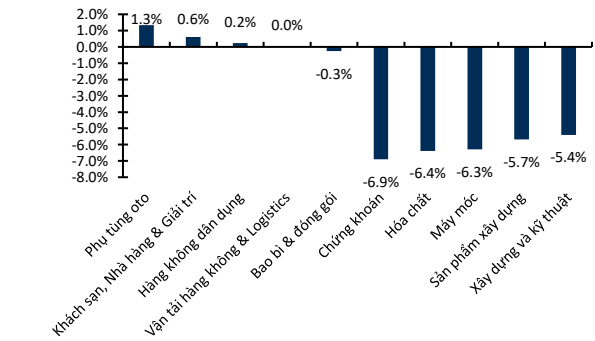
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +33.4

VNIndex & HNXIndex



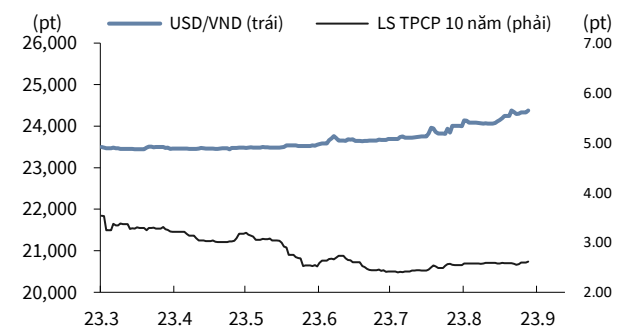
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



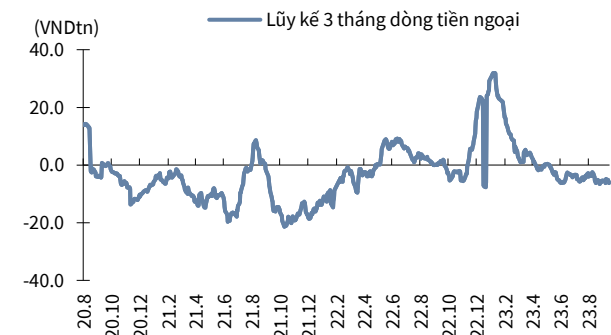
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

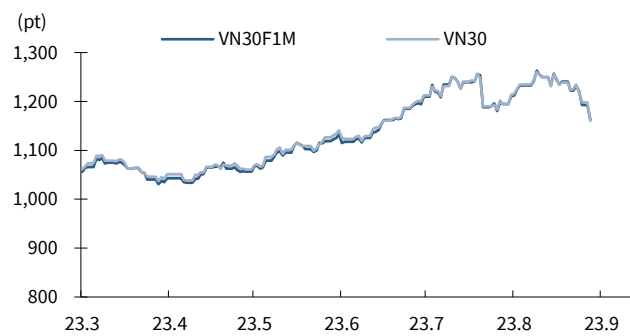
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,159.94 (-3.15%)
VN30F1M	1,162.5 (-2.52%)
Mở cửa	1,186.1
Cao nhất	1,195.7
Thấp nhất	1,162.0

TTCK giảm điểm tiêu cực trên toàn bộ các nhóm cổ phiếu với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (-4.76%), BSR (+0.95%), SSI (-6.9%).

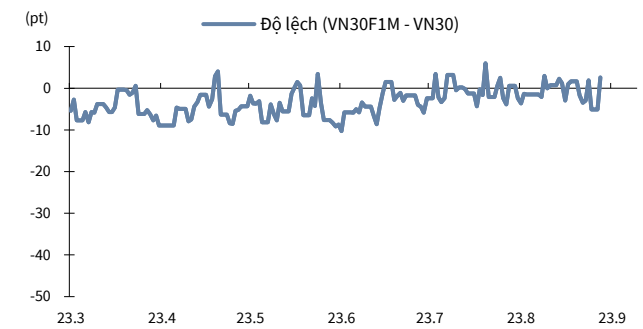
KLGD (HĐ)	236,556 (-27.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



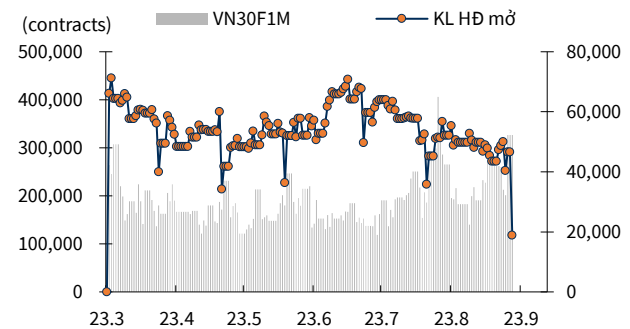
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



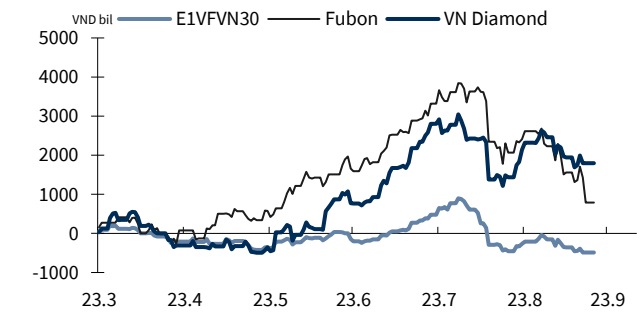
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

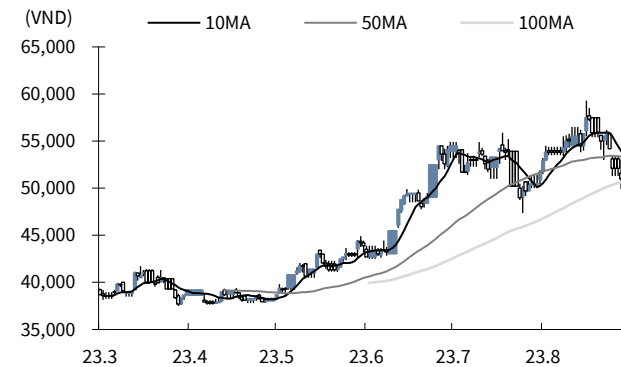
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)

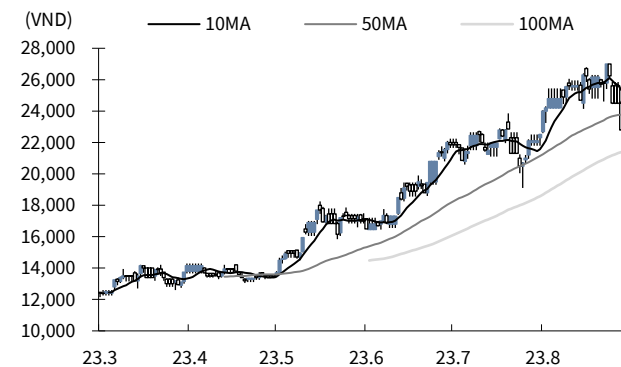


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm 2.11% xuống 51,000 VND/cp

- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động vừa công bố kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm 2023. Theo đó, doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt 76,455 tỷ đồng (-17% YoY). So với kế hoạch năm, kết quả này cũng chỉ mới đạt 57%. Doanh thu của hai chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đạt hơn 55,100 tỷ đồng (-25% YoY). Ngược lại, chuỗi Bách Hoá Xanh mang về doanh thu 19,400 tỷ đồng, (+10% YoY). Đây là tháng thứ 4 liên tiếp trong năm 2023 doanh thu từ Bách Hoá Xanh vượt Thế Giới Di Động.

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (PDR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PDR giảm 6.94% xuống 22,800 VND/cp

- CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt ngày 25/9 có báo cáo kết quả mua lại toàn bộ trái phiếu đối với mã PDRH2123006 gửi Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Phát Đạt đã mua lại toàn bộ 135 tỷ đồng trái phiếu đang lưu hành của mã PDRH2123006. Lô trái phiếu được phát hành ngày 24/09/2021 với tổng giá trị 270 tỷ đồng, có thời hạn 2 năm và lãi suất phát hành thực tế 13%/năm.

22/09/2023

 Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng
 tungna@kbsec.com.vn

1H2023, LNTT đạt 3,383 tỷ VND, giảm 10.7% YoY

2Q2023, TPB có thu nhập lãi thuần đạt 2,729 tỷ VND (-0.3% QoQ, -10.1% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 1,188 tỷ VND (+28.8% QoQ, -22.7% YoY) khiến TOI đạt 3,917 tỷ VND (+7.1% QoQ, -14.3% YoY). Chi phí trích lập dự phòng ở mức vừa phải, đạt 368 tỷ VND (+16.9% QoQ, -43.0% YoY) khiến LNTT đạt 1,618 tỷ VND (-8.3% QoQ, -25.2% YoY). Lũy kế 1H2023, LNTT đạt 3,383 tỷ VND, giảm 10.7% YoY.

Tăng trưởng tín dụng hoàn thành 38% kế hoạch

Kết thúc 1H2023, tăng trưởng tín dụng của TPB đạt 6.8% YTD, tương đương ~38% kế hoạch đề ra. Theo quan điểm của KBSV, tăng trưởng tín dụng của TPB sẽ được cải thiện trong 2H2023 khi ngân hàng đủ điều kiện giảm lãi cho vay với điểm tựa từ chi phí đầu vào giảm.

Tỷ lệ nợ xấu tăng cao cùng với bộ đệm dự phòng thấp tăng áp lực trích lập nửa cuối năm

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2023 của TPB đạt 2.21% (+76bps QoQ). Tại đại hội cổ đông thường niên 2023, TPB đặt kế hoạch NPL < 2.2%. Với tỷ lệ bao phủ nợ xấu 1H2023 khá thấp, đạt 60% - chỉ cao hơn VPB và VIB trong nhóm ngân hàng theo dõi trong khi NPL và nợ nhóm 2 đều đang ở mức cao, KBSV cho rằng TPB sẽ phải đẩy mạnh trích lập dự phòng trong nửa cuối năm để có thể hoàn thành chỉ tiêu đề ra.

Khuyến nghị **NĂM GIỮ**, giá mục tiêu 20,600 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu TPB. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 20,600VND/cp, cao hơn 11.4% so với giá tại ngày 22/09/2023.

NĂM GIỮ Thay đổi

Giá mục tiêu	VND20,600
Tăng/Giảm	11.1%
Giá hiện tại (22/09/2023)	VND18,550
Giá mục tiêu đồng thuận	VND20,967
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND/tỷ USD)	40,840/1.66

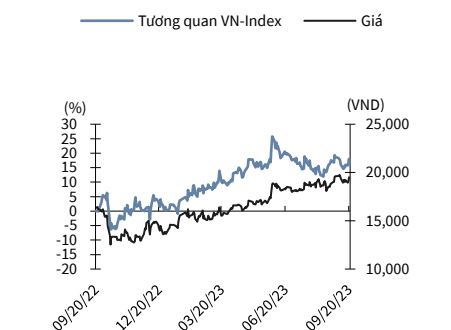
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	71.1
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	137.3/5.6
Sở hữu nước ngoài (%)	29.75
Cơ cấu cổ đông	CTCP FPT (6.77%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	3	6	21	16
Tương đối	0	-2	6	16

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	9,946	11,387	11,273	12,927
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	8,947	9,672	9,334	11,035
LNST (tỷ VND)	4,829	6,261	5,220	6,047
EPS (VND)	3,053	3,958	2,371	2,747
Tăng trưởng EPS (%)	-7%	30%	-40%	16%
PER (x)	6.1	4.7	7.8	6.8
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	16,429	20,382	17,015	19,762
PBR (x)	1.13	0.91	1.09	0.94
ROE (%)	22.6%	21.5%	15.0%	14.9%
Tỉ suất cổ tức (%)	0.00%	0.00%	13.48%	0.00%

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Kỹ thuật Dầu khí (PVS)

Lô B Ô Môn bất ngờ chuyển mình

Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu

hieupm@kbsec.com.vn

25/09/2023

Doanh thu và lợi nhuận gộp 1H2023 tăng trưởng so với cùng kỳ

Doanh thu 1H2023 tăng 11% yoy trong khi lợi nhuận gộp tăng 16% yoy. Tăng trưởng chủ yếu đến từ mảng M&C với việc ghi nhận doanh thu từ các dự án Galaff Batch 3, Shwe Phase 3, Hải Long 2&3 và Greater Chanhua 2a&4. Mảng FSO/FP50 vẫn duy trì ổn định. Mảng sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành (O&M) sụt giảm do các dự án nội địa trầm lắng trong khi vẫn đang đấu thầu các dự án quốc tế mới. Cảng dầu khí hoạt động tốt nhưng cảng hàng hóa bị ảnh hưởng bởi xuất khẩu suy yếu.

Kỳ vọng mảng M&C dầu khí nội địa sẽ sôi động hơn từ 2024 với những tiến triển trong dự án Lô B Ô Môn

Trong tháng 9/2023, PVN đã ban hành nghị quyết nhằm tháo gỡ cho dự án Lô B Ô Môn. Với việc đã trúng gói thầu EPCI 1 với giá trị khoảng 1,08 tỷ USD, chúng tôi kỳ vọng PVS có thể bắt đầu triển khai một phần công việc trong 1H2024. Ngoài ra, thị trường nội địa cũng sẽ có một số dự án sẽ sớm đi vào khai thác như: Lạc Đà Vàng A&B, Sư Tử Trắng 2B. Chúng tôi kỳ vọng rằng các dự án này sẽ góp phần tạo ra khối lượng công việc lớn cho PVS trong giai đoạn 2024-2027.

Lợi thế cạnh tranh trong mảng M&C năng lượng tái tạo sẽ mở ra hướng đi mới cho PVS

Chúng tôi đánh giá cao vị thế của PVS trong khu vực do (1) số lượng đối thủ cạnh tranh trong ngành rất hạn chế, (2) các nhà thầu M&C năng lượng hàng đầu tại Đông Á không sẵn sàng tham gia vào thị trường và (3) PVS có lợi thế vượt trội về bãi cảng rất phù hợp cho mảng M&C điện gió hơn hẳn so với các đối thủ cạnh tranh chính tại Đông Nam Á. Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận mảng điện gió của PVS sẽ dần cải thiện từ 2024 khi công ty tập trung tối ưu hóa kho bãi sau khoảng thời gian đầu hi sinh lợi nhuận để thâm nhập ngành.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 45,700 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và xét đến triển vọng của doanh nghiệp, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PVS. Giá mục tiêu là 45,700 VNĐ/cổ phiếu, tương đương mức upside 28.3% so với giá tại ngày 25/09/2023.

MUA Thay đổi

Giá mục tiêu 45,700VND

Tăng/giảm (%)	28.3%
Giá hiện tại (25/09/2023)	VND35,600
Giá mục tiêu đồng thuận	VND40,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	17,828/731

Dữ liệu giao dịch

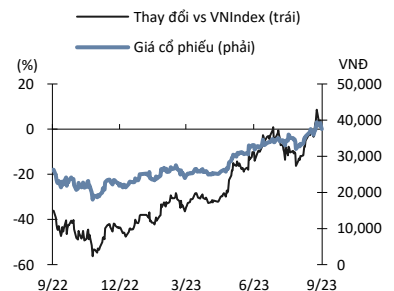
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	48.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	226.69/9.3
Sở hữu nước ngoài (%)	20.3%
Cổ đông lớn	Petrovietnam (51.38%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	17.1	16.0	60.0	46.0
Tương đối	13.9	7.6	35.0	46.2

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	14,260	16,373	18,141	24,909
Lãi/lỗ từ HĐKD	850	1,154	1,208	1,566
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	675	884	953	1,221
EPS (VNĐ)	887	1,575	1,993	2,554
Tăng trưởng EPS (%)	-15.2	77.6	27.0	28.0
P/E (x)	29.8	13.6	22.9	17.9
P/B (x)	1.0	0.8	1.6	1.5
ROE (%)	6.0	7.3	7.2	9.0
Tỷ suất cổ tức (%)	4.4	4.2	2.2	2.2



Nguồn: Bloomberg, KBSV

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An(HAH)

Liên tục mở rộng các tuyến vận tải mới

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
anhntn@kbsec.com.vn

21/09/2023

2Q2023, HAH ghi nhận doanh thu thuần đạt 611 tỷ VND (-34% yoy), LNST đạt 80 tỷ VND (-75% yoy)

Khai thác tàu dự kiến vẫn chưa thể hồi phục trong năm nay khi mà (1) cầu vận tải vẫn đang ở mức thấp, (2) giá cước vận tải đang ở vùng đáy và chưa có dấu hiệu khởi sắc

HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND

Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó như hiện nay

Khuyến nghị MUA – giá mục tiêu 48,600 VND/cổ phiếu

2Q2023, HAH ghi nhận doanh thu 611 tỷ VND (-34% yoy), doanh thu giảm cả ở mảng cảng và khai thác tàu do mức nền cao 2Q2022 cũng như sự sụt giảm cả về cầu và giá cước vận tải. LNST 2Q2023 đạt gần 80 tỷ VND (-75% yoy). Lũy kế 6 tháng đầu năm, HAH ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt 1,267 tỷ VND và 216 tỷ VND, hoàn thành 43% và 44% doanh thu và lợi nhuận kế hoạch 2023 HAH đặt ra.

Chúng tôi dự kiến lợi nhuận của cả mảng tàu tự vận hành và cho thuê tàu đều duy trì ở mức thấp từ nay cho đến cuối năm. Cầu vận tải vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi khi mà kinh tế thế giới vẫn đang bất ổn, giá cước vận tải tiếp tục duy trì ở mức thấp do (1) cầu vận chuyển hàng hóa thấp, (2) cung tàu tăng gây lo ngại dư thừa khi ngày càng nhiều tàu đóng mới hoàn thiện.

HAH đang sở hữu đội tàu 11 chiếc với tổng trọng tải lên đến gần 16,000 Teu. Công ty định hướng tiếp tục tập trung phát triển đội tàu, hiện đang đặt đóng mới 3 tàu Bangkok Mark cỡ 1,700 Teu. Dự kiến tháng 11/2023, HAH sẽ đón về chiếc tàu đóng mới đầu tiên.

Khai thác cảng 2023 kì vọng sẽ vẫn đem lại lợi nhuận ổn định cho HAH khi mà nguồn cung hàng cho cảng Hải An được đảm bảo bởi chính đội tàu HAH cũng như từ SM Lines, giá dịch vụ cảng cũng được điều chỉnh tăng ở một số hạng mục.

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu HAH – giá mục tiêu 48,600 VND/cổ phiếu, tương đương với mức sinh lời 23% so với giá đóng cửa ngày 20/09/2023.

Mua duy trì

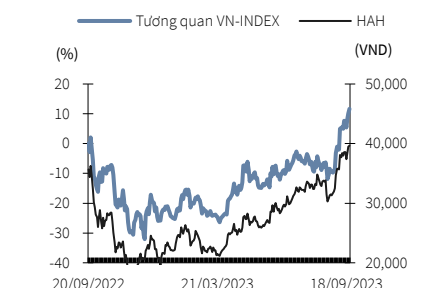
Giá mục tiêu	48,600 VND
Tăng/giảm (%)	23%
Giá hiện tại (21/09/2023)	39,500 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	34,600 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	4,168/171

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	87.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/tỷ USD)	90,686/3.72
Sở hữu nước ngoài (%)	4.51%
Cổ đông lớn	CTCP Đầu tư & Vận tải Hải Hà (14.5%)

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	31	-10	23	-26
Tương đối	28	-19	6	-25

Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	1,955	3,206	2,627	2,718
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	642	1,300	512	707
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	446	822	337	464
EPS (VND)	8,750	11,306	3,190	4,395
Tăng trưởng EPS	220%	29%	-72%	38%
P/E (x)	3.7	3.5	12.4	9.0
P/B (x)	1.7	0.8	1.5	1.4
ROE	28.9%	36.1%	12.7%	15.4%
Tỷ suất cổ tức	2%	2%	8%	3%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

25/09/2023

 Chuyên viên phân tích Hồ Đức Thành
 thanhhd@kbsec.com.vn

2Q2023, LNTT đạt 5,980 tỷ VND, tăng 13.2% YoY

2Q2023, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 12,757 tỷ VND (+0.7% QoQ, +6.2% YoY); TOI đạt 17,772 tỷ VND (+4.4% QoQ, +11.5% YoY). Chi phí trích lập dự phòng đạt 6,478 tỷ VND (-3.7% QoQ, +10.1% YoY) khiến LNTT đạt 5980 tỷ VND (+9.5% QoQ, +13.2% YoY). Lũy kế 1H2023, LNTT đạt 12,531 tỷ VND, tăng 8.0% YoY.

Tăng trưởng tín dụng kì vọng đạt 12% trong năm 2023

KBSV cho rằng CTG có thể đạt được mức tăng trưởng tín dụng 12% khi tăng trưởng tín dụng 1H2023 đạt 6.6% vượt trội hơn hẳn so với trung bình ngành. Trong giai đoạn 2H2023, với tình hình kinh tế cải thiện, chi phí vốn đầu vào giảm và lợi thế về quy mô sẽ là động lực để CTG đạt được mức tăng trưởng tín dụng mà NHNN đã phân bổ.

Áp lực trích lập nợ xấu sẽ gia tăng trong 2H2023 nhưng bù lại rủi ro tín dụng thấp

Chúng tôi tiếp tục duy trì trích lập dự kiến ở mức cao trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn rủi ro và số liệu trong 1H2023 của CTG cho thấy chất lượng tài sản chưa được cải thiện đáng kể. Vì vậy KBSV cho rằng ngân hàng sẽ tiếp tục đánh đổi một phần lợi nhuận trong năm 2023 để tiếp tục duy trì rủi ro tín dụng ở mức thấp.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 36,000 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 36,000/cp, cao hơn 21% so với giá tại ngày 25/09/2023.

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND36,000
Tăng/Giảm	21%
Giá hiện tại (25/09/2023)	VND29,800
Giá mục tiêu thị trường	VND 35,800
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	149939

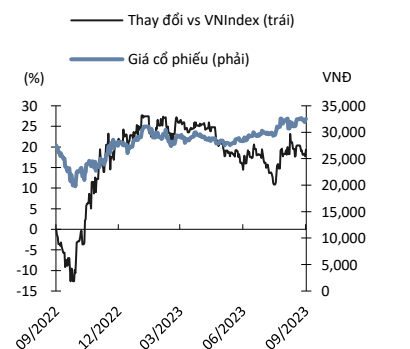
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	35.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	205.70
Sở hữu nước ngoài (%)	27.20%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1.4	15.0	11.1	20.6
Tương đối	0.9	4.3	-5.6	20.8

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	41,788	47,792	52,747	59,605
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	35,971	45,109	49,198	55,677
LNST (tỷ VND)	14,089	16,775	17,635	24,498
EPS (VNĐ)	2,932	3,491	3,656	5,083
Tăng trưởng EPS (%)	-20.3%	19.1%	4.7%	39.0%
PER (x)	10.7	9.0	8.6	6.2
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,487	22,508	25,364	29,646
PBR (x)	1.6	1.4	1.2	1.1
ROE (%)	15.9%	16.7%	15.3%	18.5%

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành đầu phiên, VNIndex đảo chiều giảm điểm giảm co trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Lực cầu suy yếu trong khi áp lực bán gia tăng mạnh về cuối phiên đã khiến cho chỉ số xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ xa quanh 117x, hiện đã đảo vai trò là ngưỡng cản gần. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn đang có phần chiếm ưu thế, ngưỡng hỗ trợ quanh 114x sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của VNIndex và chúng tôi kỳ vọng sẽ xuất hiện một nhịp hồi kỹ thuật tại đây.
- NĐT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading khi chỉ số về quanh ngưỡng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1177 - 1180

Kháng cự gần: 1170 - 1172

Hỗ trợ gần: 1152 - 1155

Hỗ trợ xa: 1141 - 1145

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành đầu phiên, F1 đảo chiều giảm điểm giằng co trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Lực cầu suy yếu trong khi áp lực bán gia tăng mạnh về cuối phiên đã khiến cho chỉ số xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ xa quanh 117x, hiện đã đảo vai trò là ngưỡng cản gần. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn đang có phần chiếm ưu thế, ngưỡng hỗ trợ quanh 114x sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của F1 và chúng tôi kỳ vọng sẽ xuất hiện một nhịp hồi kỹ thuật tại đây.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG quanh ngưỡng hỗ trợ nhưng đặt STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

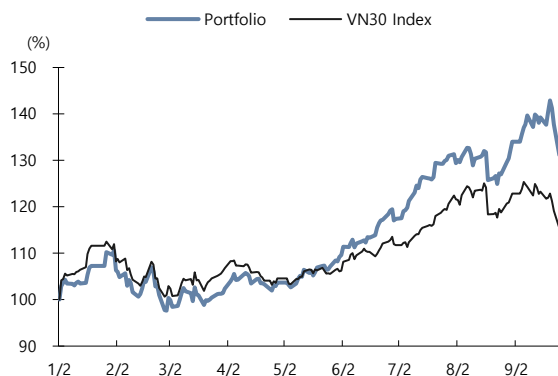
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.15%	-4.78%
Tăng lũy kế (YTD)	15.40%	31.14%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/09/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	13,500	-6.3%	-9.4%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	28,600	-6.8%	2.5%	- Mạng EPC và SXCN trong 2H2023 sẽ được cải thiện khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt - Đóng góp mới từ mỏ Niken và KCN sẽ bù đắp lợi nhuận giảm từ các mảng còn lại
FPT Corp (FPT)	31/12/2019	94,300	-2.5%	195.2%	- KQKD tích cực trong 7T, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 là khả thi - Hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số, cũng như tăng trưởng mảng công nghệ ở Mỹ, Nhật - Mạng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	24,000	-5.7%	-5.9%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	22,150	-6.9%	-10.9%	- Giá thịt heo tiếp tục hồi phục về quanh 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	19,900	-10.0%	-1.5%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mạng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	36,000	-5.8%	0.7%	- Đà giảm giá cước vận tải kì vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sàn dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	31/12/2019	79,800	-1.5%	23.7%	- KQKD sẽ hồi phục nhờ: (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ; và (2) sức mua hồi phục - Biên LN gộp cải thiện nhờ thay đổi cơ cấu hàng hoá và tăng hiệu quả quản trị HTK - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	21,200	1.4%	9.3%	- Mức crack spread trên thế giới có thể cải thiện khi TQ và Mỹ bước vào mùa cao điểm - Kế hoạch hoãn bảo dưỡng nhà máy giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Sacombank (STB)	01/08/2023	31,650	-3.8%	9.3%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lsdh; (2) Thanh khoản được cải thiện - STB nằm trong nhóm có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-4.8%	25.1%	109.5
SSI	-6.9%	43.4%	102.2
VHM	-2.1%	24.2%	83.4
VNM	0.1%	55.1%	69.6
VCB	0.0%	23.5%	59.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-6.8%	29.8%	-32.1
STB	-3.8%	22.6%	-26.7
PVT	-6.9%	12.7%	-22.8
DGC	-6.9%	14.9%	-19.9
VCI	-7.0%	24.5%	-18.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-4.6%	20.3%	7.6
IDC	-5.3%	1.2%	6.1
TNG	-10.0%	20.0%	4.4
BVS	-7.5%	8.2%	1.4
CEO	-9.6%	4.5%	1.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVI	-3.0%	59.6%	-3.4
NVB	-5.8%	7.7%	-1.0
VCS	-4.1%	2.9%	-0.8
SHS	-9.6%	11.5%	-0.4
DTD	-9.8%	2.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	0.9%	AST, VNG, DSN, DAH
Đồ gia dụng	0.4%	TTF, GDT, EVE, SAV
Vận tải hàng không & Logistics	-0.4%	TMS, SCS, STG, ASG
Hàng hải	-1.0%	VSC, VOS, SKG, VTO
Hàng không dân dụng	-1.1%	VJC, HVN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	-14.5%	SSI, VND, HCM, VCI
Xây dựng và kỹ thuật	-8.5%	DIG, HDG, VCG, PC1
Máy móc	-6.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Quản lý & phát triển bất động sản	-6.3%	VHM, VIC, NVL, BCM
Kim loại & khai thác	-6.0%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	13.4%	GVR, DGC, DPM, DCM
Công nghệ	8.6%	FPT, CMG, ELC
Tiện ích khí	7.0%	GAS, PGD, PMG
Phụ tùng oto	5.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Thiết bị điện	5.0%	GEX, SAM, CAV, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-15.0%	VHM, VIC, NVL, BCM
Tiện ích điện	-7.6%	PGV, NT2, PPC, TTA
Bảo hiểm	-6.9%	BVH, MIG, BIC, BMI
Thương mại & phân phối	-3.2%	VPG, TSC, BTT, TNA
Sản xuất điện	-3.0%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,000,853 (41.4)	22.5	52.3	58.9	14.7	2.9	2.9	1.6	1.5	-7.0	-	-	-13.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	402,648 (16.7)	26.6	5.7	5.3	35.9	21.3	19.4	1.2	1.0	-2.1	-4.0	13.1	-2.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	142,161 (5.9)	17.8	14.5	13.6	-7.6	11.8	11.5	1.6	1.5	-2.9	-4.0	-7.3	1.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	942,697 (39.0)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	-6.9	10.7	16.5	15.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	56,472 (2.3)	11.6	23.5	21.0	13.7	8.2	8.2	1.7	1.7	-4.5	-8.7	-8.8	18.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	497,013 (20.6)	13.9	34.7	36.9	-	3.7	3.4	1.2	1.2	-7.0	13.1	-8.1	51.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	137,952 (5.7)	6.3	15.1	12.7	11.7	22.7	21.3	2.9	2.3	0.0	0.6	3.6	31.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	57,147 (2.4)	12.7	11.4	9.1	-5.3	19.6	19.8	2.0	1.6	-2.1	-1.4	-0.2	16.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	195,721 (8.1)	0.0	6.2	4.9	14.3	15.1	16.5	0.9	0.7	-3.5	-3.8	-2.5	26.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	211,726 (8.8)	1.4	8.4	6.9	50.3	16.8	17.5	1.1	1.0	-5.8	-7.0	-4.3	9.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	402,100 (16.6)	0.0	9.9	7.6	18.8	11.7	12.5	1.2	1.1	-4.0	-7.9	1.0	14.0
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	256,284 (10.6)	0.0	4.7	4.0	14.6	22.5	22.7	1.0	0.8	-3.2	-5.5	0.0	21.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	115,123 (4.8)	4.2	6.0	4.2	23.3	20.3	24.0	1.1	0.9	-0.9	-1.1	7.1	25.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	738,875 (30.5)	14.0	8.0	5.2	26.5	18.8	23.5	1.3	1.0	-3.8	-2.9	1.8	40.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	169,343 (7.0)	0.0	6.8	5.7	37.4	19.6	19.7	1.1	0.9	-3.0	-5.0	-4.5	19.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	209,382 (8.7)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-6.9	-9.3	10.3	-7.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	32,221 (1.3)	21.0	16.5	15.7	15.8	9.3	9.4	1.5	1.4	-3.2	-5.8	-6.0	-9.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,230 (0.2)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	-6.9	-8.9	-9.9	17.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,047,172 (43.3)	55.4	25.6	20.8	-3.2	8.1	9.7	2.0	2.0	-6.9	15.0	-5.7	71.5
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	259,802 (10.7)	71.9	25.8	19.2	-4.0	10.5	13.6	2.7	2.5	-7.0	14.6	-6.5	75.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	300,849 (12.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-6.9	14.3	-0.8	48.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	727,007 (30.1)	27.2	21.9	16.3	36.3	7.9	10.2	1.7	1.6	-6.9	14.5	-3.9	55.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	266,247 (11.0)	42.1	18.9	16.1	4.0	28.9	31.8	5.4	5.5	0.1	-1.6	3.6	2.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	55,852 (2.3)	36.9	21.2	19.2	7.3	19.4	19.7	3.8	3.4	-3.3	-5.9	-2.7	-8.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	156,219 (6.5)	16.5	50.6	28.6	-51.9	9.6	12.0	3.6	4.0	-6.8	10.4	11.8	-24.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	14,332 (0.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.1	-5.1	-7.5	-11.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	96,489 (4.0)	11.0	56.2	25.8	-88.5	6.4	13.2	3.4	2.9	0.4	-0.8	1.0	-10.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	124,044 (5.1)	10.8	8.9	16.1	-57.0	30.4	12.6	2.1	1.9	-6.1	-4.9	8.7	32.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	281,327 (11.6)	38.4	39.1	25.0	65.7	2.4	3.8	0.9	1.0	-6.9	13.4	-5.1	52.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	679,571 (28.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.8	12.5	-5.9	66.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	67,905 (2.8)	3.6	15.4	19.3	-52.4	4.0	1.8	0.6	0.6	-6.9	10.0	2.1	93.6
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	49,658 (2.1)	0.0	9.3	8.2	-4.5	14.7	15.2	1.3	1.2	-2.7	-1.1	0.5	-0.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	62,442 (2.6)	46.1	15.9	15.0	-17.5	18.9	16.6	3.1	2.9	-1.5	-1.5	5.9	5.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	25,831 (1.1)	31.4	11.8	9.5	-10.5	13.4	16.4	1.6	1.5	-3.4	-4.9	-8.4	-12.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,680 (0.1)	34.1	16.2	9.1	-5.1	5.9	10.3	0.9	0.9	-1.8	-3.8	1.4	10.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	896,294 (37.1)	18.0	19.4	11.6	21.9	7.4	12.0	1.5	1.3	-4.8	-5.8	0.2	44.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	170,263 (7.0)	36.5	10.6	8.0	-0.5	9.9	13.6	1.1	1.1	-4.0	-6.5	2.4	-16.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	184,733 (7.6)	46.5	12.4	8.0	-4.5	12.0	17.6	1.4	1.3	-6.5	-6.5	-3.1	18.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	326,348 (13.5)	38.9	-	20.0	67.9	1.3	6.0	1.1	1.1	-7.0	-8.0	7.8	78.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	70,281 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-7.0	-7.4	-9.2	40.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	44,239 (1.8)	4.6	15.6	14.0	-51.0	12.6	12.4	1.8	1.7	-4.2	-5.3	-0.1	18.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	126,797 (5.2)	39.9	33.6	20.4	-11.9	4.4	7.3	0.9	0.9	-5.7	-9.9	-2.6	34.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	131,448 (5.4)	35.9	9.3	8.8	2.2	15.0	14.2	1.3	1.2	-6.9	1.5	21.7	19.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	441,173 (18.2)	0.0	60.9	17.5	14.4	2.8	17.0	3.1	2.8	-2.1	-7.3	1.0	18.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	55,982 (2.3)	0.0	14.8	12.7	2.4	20.3	21.1	2.8	2.5	-1.5	-2.1	1.9	-11.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	897 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.3	-8.4	-5.9	34.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	87,690 (3.6)	30.3	-	24.0	-75.2	0.6	18.5	5.4	4.5	-2.8	0.0	12.3	44.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	26,901 (1.1)	34.6	13.1	16.3	41.2	15.2	12.2	1.9	1.9	-6.9	-5.4	-1.2	20.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,212 (0.2)	45.4	13.4	12.5	10.7	25.4	23.8	3.1	2.6	-1.6	-2.0	0.3	36.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	270,256 (11.2)	0.0	19.9	16.1	15.5	27.2	28.7	6.1	5.1	-2.5	-2.7	4.1	41.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

